



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN *2020*



TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP



127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



(028) 3896 9337



vietthang@vietthang.com.vn

MỤC LỤC

1

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

2

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2020

3

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC

4

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2020



THÔNG TIN CHUNG



- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

Tên Công ty	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Tên tiếng anh	VIET THANG CORPORATION
Mã cổ phiếu	TVT
Vốn điều lệ	210.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(028) 3896 9337 – 3896 0543
Số fax	(028) 3896 9319.
Email	vietthang@vietthang.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	0301445210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/03/2021

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng Công ty Việt Thắng là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dệt may Việt Nam được xây dựng từ năm 1960 và đưa vào hoạt động từ năm 1962, do một số nhà tư bản trong nước và nước ngoài góp vốn với tên gọi Việt Mỹ kỹ nghệ dệt sợi công ty (VIMYTEX), chuyên sản xuất sợi – dệt và in nhuộm hoàn tất

Công ty được Nhà nước tiếp quản, quốc hữu hóa, giao cho Bộ Công nghiệp nhẹ tiếp nhận, quản lý và duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh cho đến nay.

Công ty được cổ phần hóa, chuyển thành Công ty cổ phần Dệt Việt Thắng với 52,3 % vốn Nhà nước.

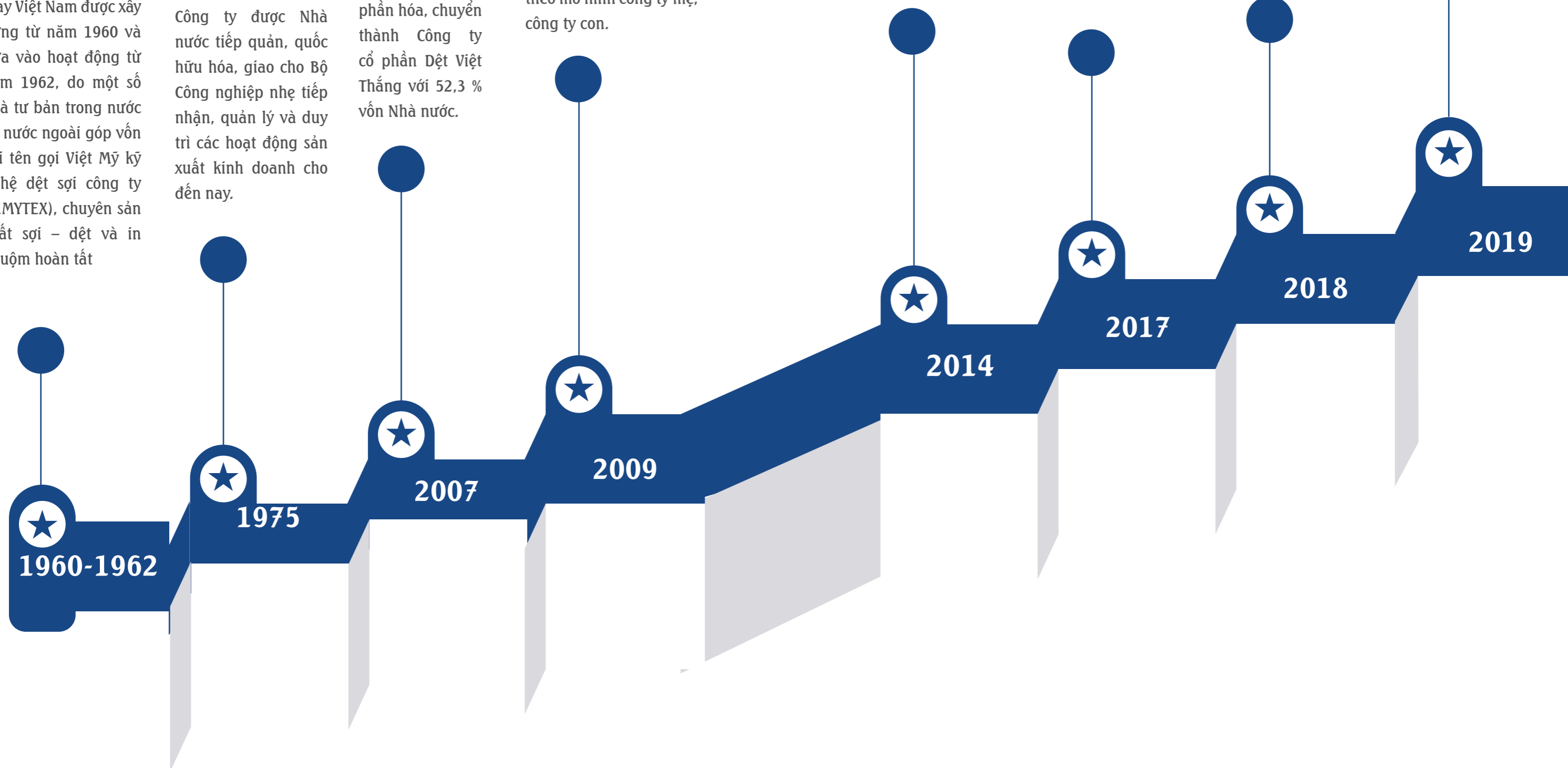
Ngày 29/06/2009, Công ty cổ phần Dệt Việt Thắng được chuyển đổi thành Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP, hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con.

Tổng Công ty đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Tổng giá trị đầu tư máy móc thiết bị trong năm hơn 21 tỷ đồng.

Cổ phiếu Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu TVT.

Tổng Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, tăng cường đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Thu hút nguồn khách hàng tiềm năng.

Tổng Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, phát triển thêm nhiều sản phẩm có mẫu mã sáng tạo, độc đáo, thiết kế tinh tế hiện đại phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.



LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

TVT là một trong số ít các doanh nghiệp Dệt may Việt Nam có cả 3 mảng sản xuất: mảng sợi, mảng vải và mảng may.



Mảng vải là mảng kinh doanh chính, chiếm 38% trong cơ cấu doanh thu.

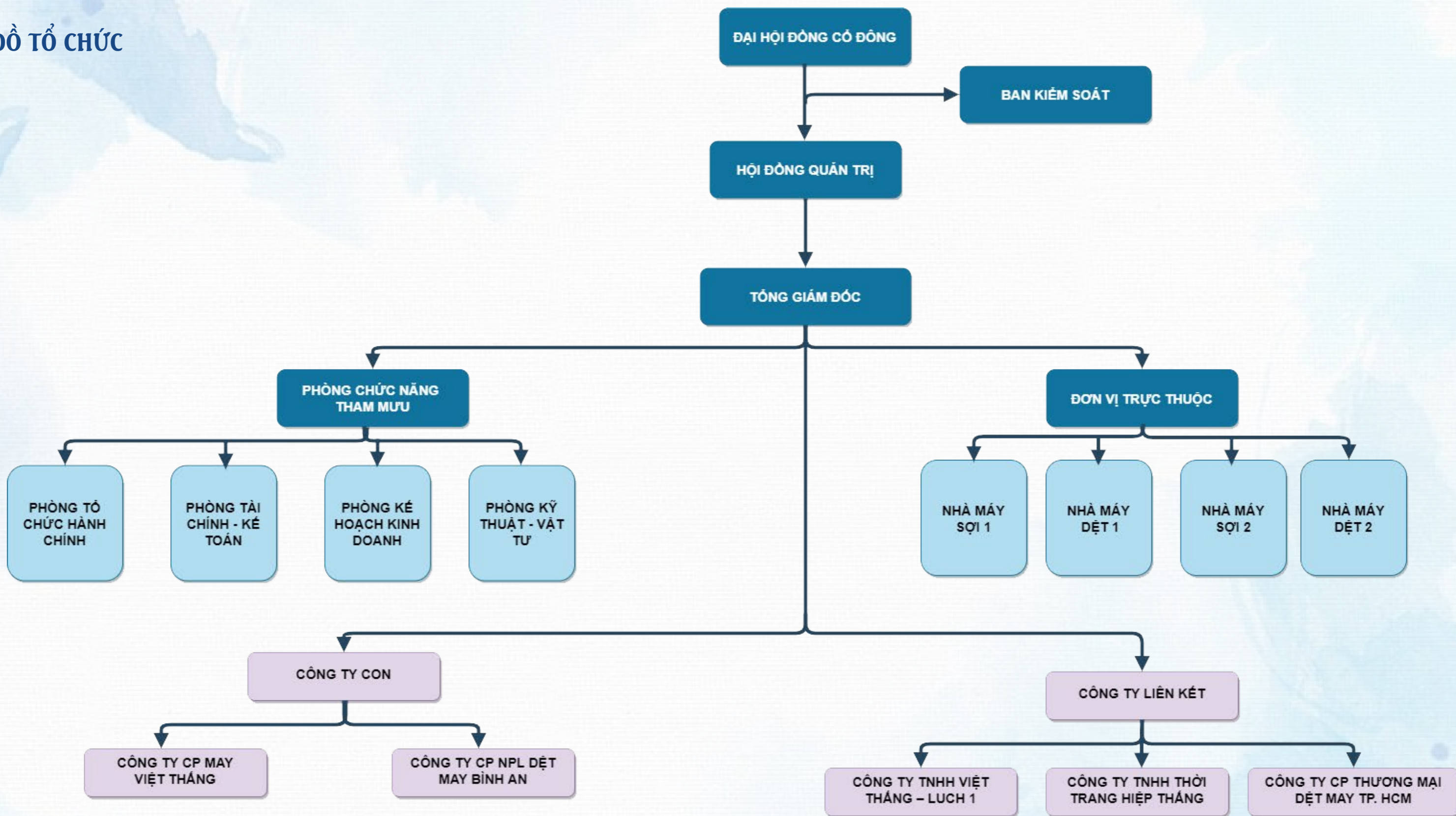


Mảng sợi và mảng may chiếm lần lượt 19% và 18% trong cơ cấu tổng doanh thu.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Mảng sợi và mảng vải chủ yếu bán ở thị trường nội địa.
- Mảng may chủ yếu để xuất khẩu.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT

THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT THẮNG

- 1 Địa chỉ: Địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM.
 HĐKD chính: Sản xuất hàng may mặc, gia công may.
 Tỷ lệ sở hữu: 52,27%

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN PHỤ LIỆU DỆT MAY BÌNH AN

- 2 Địa chỉ: 3127 Lê Văn Chí, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM.
 HĐKD chính: Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may.
 Tỷ lệ sở hữu: 58,55%

Công ty liên kết

CÔNG TY TNHH VIỆT THẮNG LUCH I

- 1 Địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM.
 HĐKD chính: Sản xuất các loại áo cao cấp.
 Tỷ lệ sở hữu: 50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỆT MAY TP.HCM

- 2 Địa chỉ: 96 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM.
 HĐKD chính: Sản xuất và mua bán nguyên vật liệu ngành dệt.
 Tỷ lệ sở hữu: 20,00%

CÔNG TY TNHH THỜI TRANG HIỆP THẮNG

- 3 Địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM.
 HĐKD chính: Sản xuất các loại quần áo thời trang
 Tỷ lệ sở hữu: 18,29%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm các chi phí về năng lượng, nước, vật tư phụ tùng thay thế, nguyên vật liệu và hoá chất.

Không ngừng tìm kiếm, mở rộng và phát triển thị trường, tạo dựng mối quan hệ giao thương bền vững với các bạn hàng trong nước và quốc tế, thông qua việc tham gia các diễn đàn thương mại hay hội chợ triển lãm để quảng bá sản phẩm của Tổng Công ty một cách rộng rãi.

- Tích cực phát huy những kinh nghiệm quý giá đã được tích lũy trong nhiều năm cùng với những chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, sự điều hành, quản lý linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, công nhân lành nghề góp phần giúp Tổng Công ty xây dựng nên một thương hiệu có tầm vóc uy tín lớn trên trường trong nước và thế giới.
- Luôn chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về pháp luật mà nhà nước đã ban hành. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng với các tiêu chuẩn quốc tế mà Tổng Công ty đã đạt được trong nhiều năm.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Đầu tư đổi mới: công nghệ, trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại, mở rộng nhà máy kho bãi để nâng cao năng suất cũng như chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một gắt gao của thị trường, tạo cơ hội cạnh tranh quyết liệt với các đối thủ cùng ngành.
- Phát triển thêm nhiều sản phẩm có mẫu mã sáng tạo, độc đáo, thiết kế tinh tế hiện đại phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, thu hút sự quan tâm của khách hàng bằng cách xây dựng các chương trình marketing, chiến lược quảng bá sản phẩm rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Tập trung khai thác và chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu, mở rộng kênh phân phối, đánh giá đúng năng lực của các đối thủ cạnh tranh, nhằm hạn chế những rủi ro và đảm bảo sự phát triển bền vững.
- Duy trì đội ngũ cán bộ công nhân viên có thâm niên làm việc lâu năm, lành nghề, đồng thời tuyển dụng, đào tạo thêm nhiều nhân sự trẻ, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp, không ngừng học hỏi trao đổi bản thân, phát huy được năng lực cá nhân của mình trong mọi hoàn cảnh.
- Nỗ lực xây dựng một tinh thần tương thân tương ái trong tập thể Tổng Công ty nói riêng cũng như trong cộng đồng toàn xã hội nói chung góp phần tạo nên một môi trường làm việc thân thiện, gần gũi cho mọi người.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

- Bảo vệ môi trường luôn là vấn đề trọng yếu được TVT đặt lên hàng đầu, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty phải tránh gây ra ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước, xây dựng các biện pháp hạn chế và giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường; Luôn tuân thủ, chấp hành các quy định, chính sách về môi trường mà nhà nước đã đề ra.
- TVT luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh lành mạnh, hiệu quả, tạo công ăn việc làm và mức thu nhập ổn định cho người lao động. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên bằng nhiều phong trào, các chương trình giải trí, các hình thức thi đua,... tạo nên bầu không khí làm việc sôi nổi, động viên tinh thần cao để mọi người cùng nhau tham gia sản xuất, đóng góp vào sự phát triển chung của Tổng Công ty.

- Tổ chức phối hợp với các bệnh viện để khám sức khỏe tổng quát cho toàn thể lao động trong công ty nhằm thể hiện sự quan tâm của ban Lãnh đạo đối với sức khỏe của người lao động; giúp công nhân lao động phát hiện sớm và điều trị bệnh kịp thời, góp phần đảm bảo và nâng cao sức khỏe, tăng năng suất lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và ổn định cuộc sống.
- TVT luôn tích cực tham gia các công tác xã hội với ngành, địa phương, đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ các chương trình vì Hoàng Sa, Trường Sa, quỹ vì người nghèo, quỹ từ thiện sách nói cho người mù, hỗ trợ trung tâm nuôi trẻ mồ côi, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, hỗ trợ xây nhà tình thương cho công nhân,... thể hiện tốt tinh thần vì cộng đồng.



CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2020, ngành dệt may đã gánh chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19. Dịch bệnh đã khiến thương mại dệt may đình trệ trên quy mô toàn cầu khi Chính phủ các nước thực hiện cách ly phòng dịch. Điều này đã khiến cho nhu cầu các mặt hàng dệt may xuất khẩu sụt giảm (Mỹ giảm 19%, EU giảm 15%), tỷ lệ các đơn hàng bị hủy trung bình trong khoảng 30-70%. Theo cuộc khảo sát lần thứ 4 do Liên đoàn các nhà sản xuất dệt may quốc tế (ITMF) thực hiện từ ngày trên 600 nhà sản xuất cho thấy các đơn đặt hàng tại thời điểm thực hiện khảo sát giảm 42% so với cùng kỳ, và kim ngạch xuất khẩu năm 2020 ước tính giảm 32% so với năm 2019. Thêm vào đó, dịch bệnh đã kéo theo sự gián đoạn chuỗi cung ứng của ngành dệt may trong nước khi phụ thuộc đến 60% nguồn nguyên vật liệu từ Trung Quốc. Nắm bắt được tình hình hiện tại, TVT đã xây dựng quy trình quản lý rủi ro phù hợp để nhận biết rủi ro và có biện pháp xử lý đối với biến động của nền kinh tế, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) để mở rộng thị phần các nước tiêu chuẩn cao như Mỹ, Nhật,... đồng thời tiếp cận các thị trường mới tiềm năng như Nga, Australia....

RỦI RO LÃI SUẤT

Trong năm 2020, lãi suất cho vay ở Việt Nam phổ biến trong khoảng 6,0-9,0% đối với ngắn hạn và 9,0-11,0% đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, mặt bằng lãi suất cho vay ở nước ta đang ở mức thấp. Theo báo cáo tài chính hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2020, Công ty có tổng dư nợ cho vay lên đến 794,28 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn 735,1 tỷ đồng và vay dài hạn 59,19 tỷ đồng. Với tỉ lệ vay nợ gấp 1,34 lần so với vốn chủ sở hữu, bất cứ biến động nhỏ nào về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay để từ đó kịp thời đưa ra những điều chỉnh về cơ cấu nguồn vốn, giảm thiểu tối đa những tác động từ rủi ro về lãi suất đồng thời tận dụng cơ hội từ chính sách của chính phủ để có thể sử dụng được nguồn vốn với chi phí rẻ.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một Công ty được niêm yết trên HOSE, TVT chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,... Kể từ ngày 01/01/2021, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 sửa đổi sẽ có hiệu lực thi hành. Điều này ít nhiều sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, TVT còn xuất khẩu các sản phẩm ra thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia.... Do đó, các Hiệp định được ký kết như CPTPP, EVFTA... cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm

vào đó, hoạt động sản của TVT còn chịu sự quản lý, chi phối của các Hiệp hội như Hiệp hội Dệt may Việt Nam,... Vì vậy, TVT luôn cố gắng cập nhật kịp thời và nghiên cứu kỹ lưỡng những điều chỉnh về mặt pháp luật và chính sách của nhà nước, những văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của mình để đưa ra phương án điều chỉnh chiến lược kinh doanh sao cho phù hợp nhất với tình hình kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công nhân viên có thể nắm bắt các quy định mới nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các vấn đề còn tồn tại của nền kinh tế, các rủi ro mang tính bất khả kháng như cháy nổ, thiên tai hỏa hoạn, còn gây tác động tiêu cực tới quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. TVT chủ trương đặt tiêu chuẩn an toàn lao động lên hàng đầu, định kì tổ chức các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho công nhân nhằm phòng ngừa và hạn chế thấp nhất những hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản khi có sự cố xảy ra. Đồng thời, Tổng Công ty cũng thường xuyên mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán nhằm nắm bắt được những thay đổi trong ngành kinh tế, từ đó vạch ra đường lối phát triển phù hợp cho Tổng Công ty. Những rủi ro và thách thức đối với Công ty trong cả hiện tại và tương lai.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH



RỦI RO CHI PHÍ NHÂN CÔNG

Ngành may mặc là một trong những ngành thâm dụng lao động cao, chi phí lao động quyết định lớn tới việc lựa chọn nhà sản xuất hàng dệt may. Trong bối cảnh sự cạnh tranh về lao động trong ngành diễn ra ngày càng gay gắt như hiện nay, bài toán được đặt ra đối với các Doanh nghiệp dệt may là làm sao để thu hút và đào tạo ra được nguồn nhân lực tay nghề cao, sẵn sàng cam kết lâu dài với Công ty. Bên cạnh sự thiếu hụt lao động tay nghề cao, áp lực gia tăng chi phí lao động và quản lý nhân sự cũng không thể tránh

khỏi. Đặc biệt, các chi phí như tiền lương, bảo hiểm, phụ cấp nhân công tại Việt Nam đang có xu hướng tăng lên trong khi đơn giá sản xuất phải đảm bảo được tính cạnh tranh đang đặt ra yêu cầu cho các doanh nghiệp dệt may phải gia tăng hiệu quả quản lý để phát triển lợi nhuận. Nhận định được rủi ro này, TVT tiếp tục thực hiện chính sách “thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động”, tăng đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động hóa máy móc thiết bị và nâng cao kỹ năng trong lao động trực tiếp và gián tiếp.

RỦI RO TỶ GIÁ

Tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu. Đối với TVT, do thực hiện một số các giao dịch và khoản vay có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá giữa Việt Nam đồng và ngoại tệ tương ứng. Tuy nhiên, trong bối cảnh tỷ giá VND/USD được duy trì ổn định nhờ nguồn cung USD dồi dào và xu hướng giảm giá của đồng USD trên thị trường Quốc tế; đồng thời đồng CNY suy yếu so với VNĐ, hàng may mặc Việt Nam đang được nhận lợi thế kép trong ngắn hạn khi phần lớn nguyên vật liệu nhập khẩu từ Trung Quốc và đang vay nợ bằng đồng USD.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Điểm nghẽn lớn nhất tồn tại trong ngành dệt may ở tại khâu nguyên vật liệu, Việt Nam phải nhập khẩu hơn 65% nhu cầu vải trong khi sợi sản xuất ra phải xuất khẩu 2/3 sản lượng. Nguồn cung cấp vải chính là Trung Quốc (58%) nhờ lợi thế giá rẻ và mẫu mã đa dạng. Trong tiến trình áp dụng Hiệp định EVFTA, tiêu chuẩn xuất xứ “từ vải trở đi” để được hưởng ưu đãi: vải phải được sản xuất tại Việt Nam hoặc các nước thành viên EU hoặc nước có FTA với cả Việt Nam và EU như Hàn Quốc, Nhật Bản và một số nước ASEAN. Vì vậy, để tận dụng ưu đãi từ EVFTA ngành dệt may trong nước nói chung và TVT nói riêng phải chuyển đổi nguồn nguyên vật liệu từ Trung Quốc sang nội địa hoặc Nhật Bản, Hàn Quốc.

Nắm bắt được tình hình này, TVT đã chủ động sản xuất nguyên vật liệu trong nước và thay đổi được phương thức xử lý các đơn hàng, đầu tư vào nghiên cứu sản xuất và hoàn thiện cung ứng chuỗi giá trị của Ngành Dệt May.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể Người lao động, Tổng công ty đã không ngừng phân

bổ năng lực phù hợp, củng cố, hoàn thiện mô hình sản xuất và hệ thống nhằm tiết giảm chi phí và đạt được một số kết quả như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

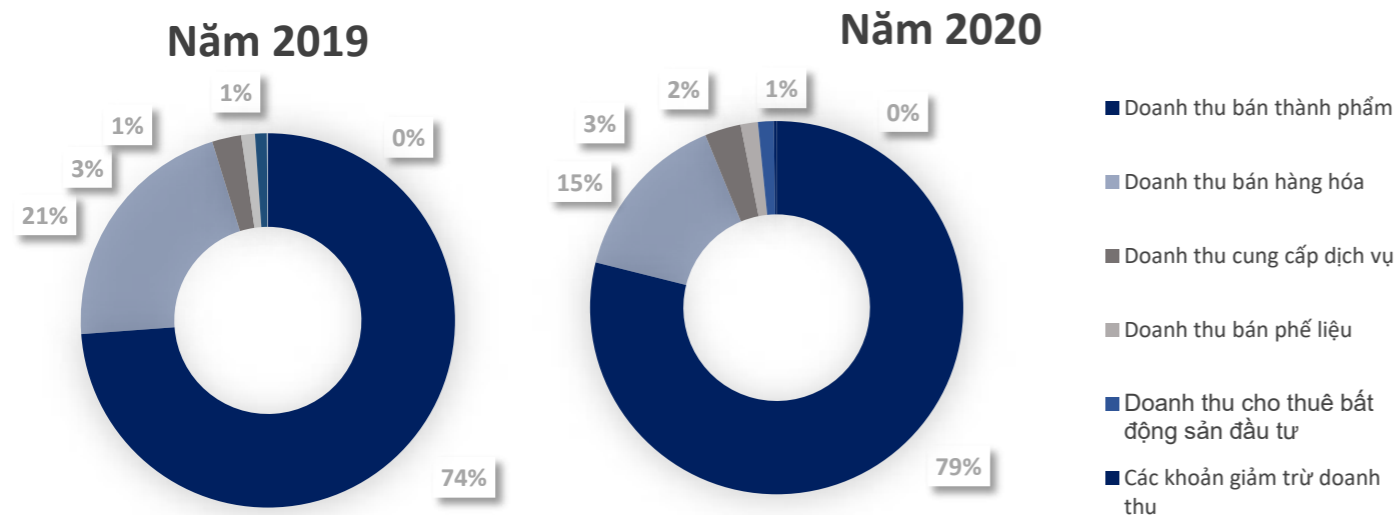
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Năm 2020/ Năm 2019
Doanh thu thuần	2.157.674	1.857.172	86,07 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	103.480	95.831	92,61 %
Lợi nhuận trước thuế	112.169	94.856	84,57%
Lợi nhuận sau thuế	89.808	75.527	84,10 %



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Năm2020/ %Năm 2019
1	Doanh thu bán thành phẩm	1.595.691	1.472.776	92,30%
2	Doanh thu bán hàng hóa	461.793	277.503	60,09%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.332	58.483	107,64%
4	Doanh thu bán phế liệu	25.633	27.855	108,67%
5	Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	22.017	25.287	114,86%
6	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.792)	(4.731)	264,01%
Doanh thu thuần		2.157.674	1.857.172	86,07%



Tại thời điểm 31/12/2020, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 1.857 tỷ đồng (giảm 13,94% so với cùng kỳ) và 75,53 tỷ đồng (giảm 15,90% so với cùng kỳ), nguyên nhân chủ yếu đến từ sự sụt giảm doanh thu từ mảng bán thành phẩm và bán hàng hóa. Thành phẩm của Công ty bán ra chủ yếu là sợi và vải dệt, hàng hóa bao gồm các mặt hàng may mặc. Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu từ bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, đóng góp đến 79,30%. Doanh thu từ bán hàng hóa đóng góp 14,94%, chiếm vị trí thứ hai trong cơ cấu doanh thu của TVT. Ngoài ra, các mảng như cung cấp dịch vụ (nhuộm, gia công quần áo...), bán phế liệu, cho thuê bất động sản đầu tư cũng góp hơn 5% vào doanh thu của TVT.

“



”



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Ông: Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc	765.500	3,64%
Ông: Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	51.000	0,24%
Ông: Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	23.560	0,11%
Ông: Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
Ông: Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	0	0%

Lý lịch Ban điều hành

Ông: NGUYỄN ĐỨC KHIÊM - Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 01/11/1958
 Nơi sinh : Hải Dương
 Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Dệt

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 765.500 cổ phiếu (3,65% Vốn điều lệ)
- Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 5.655.000 cổ phiếu (26,93% vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Ông: NGUYỄN QUANG MINH- Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 11/03/1969
 Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Mỹ Thuật

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 51.000 cổ phiếu (0,24% Vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 2.100.000 cổ phiếu (10% vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông: LÊ NGUYÊN NGỌC - Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 23/01/1966

Nơi sinh : Hải Phòng

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học Luật

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 23.560 cổ phiếu (0,11% Vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (0% vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông: PHẠM MINH TUẤN- Phó Tổng Giám đốc (Từ 02/03/2020)

Ngày sinh : 24/11/1979

Nơi sinh : Đăklăk

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu (0% Vốn điều lệ)
- Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 2.100.000 cổ phiếu (10% Vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông: DIỆP QUỐC BÌNH - Kế toán trưởng

Ngày sinh : 07/06/1979

Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu (0% Vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thay đổi thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ bổ nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	02/03/2020
2	Nguyễn Quang Minh	Quyền Tổng Giám đốc	24/07/2020

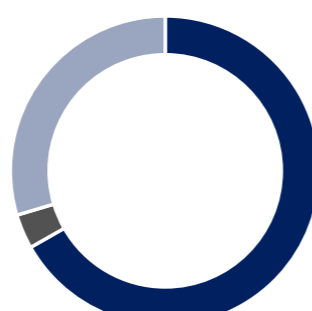
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ đại học, trên đại học	48	5,10%
2	Trình độ cao đẳng	50	5,31%
4	Trình độ trung cấp	54	5,73%
5	Công nhân kỹ thuật	48	5,10%
6	Lao động phổ thông	742	78,77%
II	Theo loại hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng không thời hạn	629	66,77%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	34	3,61%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	279	29,67%
III	Theo giới tính		
1	Nam	462	49,04%
2	Nữ	480	50,96%

Theo trình độ lao động



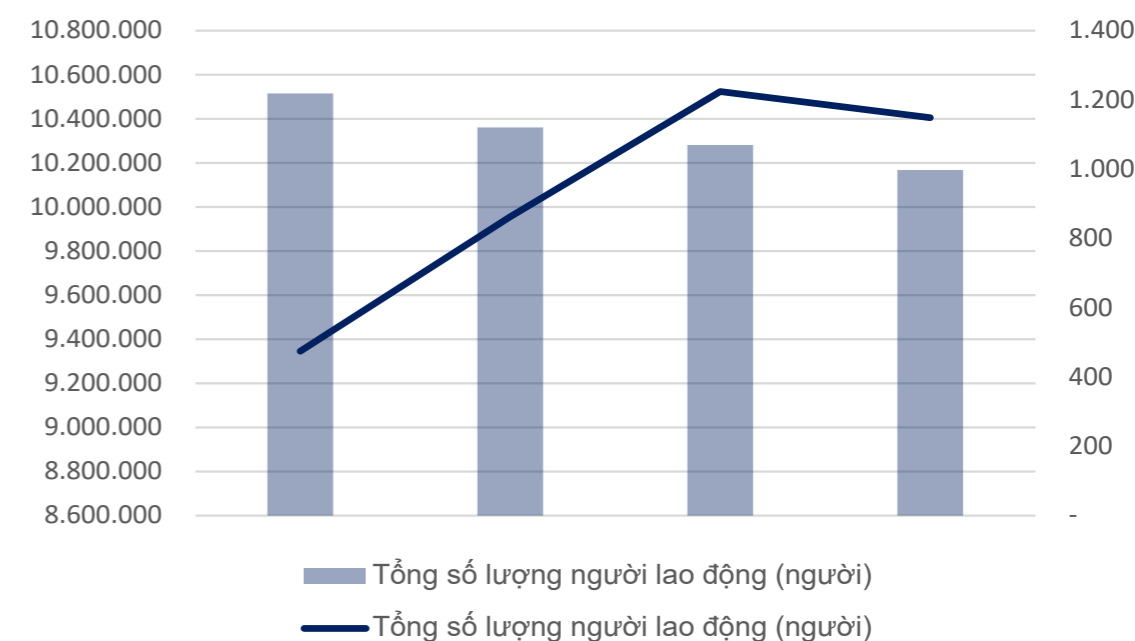
Theo loại hợp đồng lao động



- Trình độ đại học, trên đại học
- Trình độ cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	1.219	1.120	1.070	997
Thu nhập bình quân (người/đồng/tháng)	9.345.000	9.955.000	10.523.000	10.405.000



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty luôn khuyến khích nhân viên học hỏi, nâng cao trình độ tay nghề trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của. Các nhân viên luôn được đảm bảo tham gia các khóa đào tạo nội bộ để nắm vững cách thức vận hành máy móc cũng như các kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc. Bên cạnh đó, những cán bộ nhân viên có năng lực và trình độ chuyên môn tốt sẽ được ưu tiên đào tạo chuyên sâu về năng lực quản lý, kỹ năng quản trị hiện đại, kỹ năng chuyên môn, xử lý tình huống... để đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong công ty.



Về tuyển dụng

Việc tuyển dụng mới cán bộ công nhân viên diễn ra theo quy trình chặt chẽ, lành mạnh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển của Tổng Công ty, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về trình độ và phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc nhóm, làm việc theo quy trình, phù hợp với các chức danh cần tuyển; ưu tiên tuyển dụng lao động có trình độ cao trong lĩnh vực dệt may và chế biến nguyên vật liệu dệt, may.

Môi trường làm việc

An toàn lao động luôn được đề ra hàng đầu trong môi trường làm việc của TVT. Các khóa huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy được tổ chức thường xuyên cho cán bộ công nhân viên. Người lao động được trang bị đồ dùng bảo hộ lao động đầy đủ, kịp thời đáp ứng theo yêu cầu của công việc. Định kỳ, TVT sẽ đánh giá lại công tác an toàn lao động tại nơi làm việc theo nội quy về an toàn lao động đã được quy định sẵn.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Tổng công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động. Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng xây dựng một chế độ làm hợp lý nhằm tạo môi trường làm việc lành mạnh, tâm lý thoải mái cho người lao động.

Ngoài ra, mọi ý kiến đóng góp của cán bộ nhân viên luôn được Ban lãnh đạo ghi nhận, cân nhắc và áp dụng nếu phù hợp với quá trình hoạt động, mang lại hiệu quả trong công việc. Tổng Công ty luôn có chế độ khen thưởng phù hợp để khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy trách nhiệm, tinh thần lao động, nâng cao trình độ chuyên môn và tự hoàn thiện mình và mang lại lợi ích cho Tổng Công ty, đặc biệt là các thành tích nổi bật và ý tưởng sáng tạo mang lại hiệu quả trong các công tác hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, Tổng Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi,

nghỉ lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kỷ luật lao động; chính sách đối với lao động nữ; an toàn – bảo hộ lao động



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

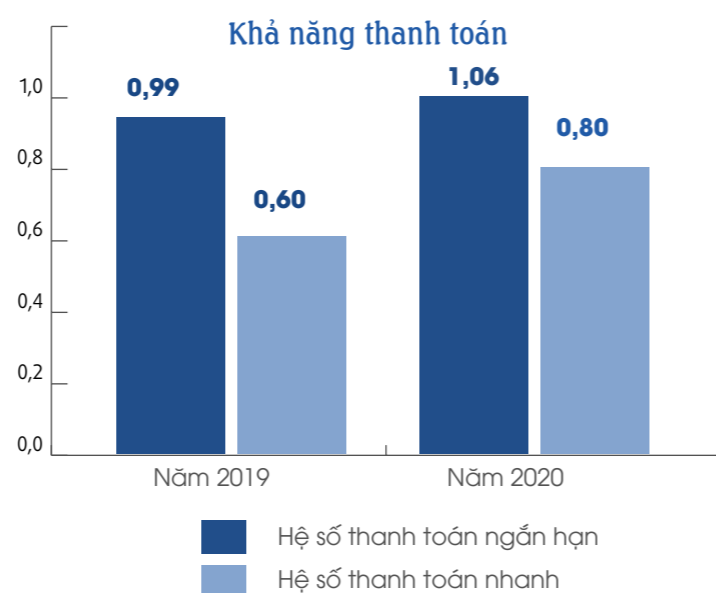
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,99	1,06
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,80
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,09	63,28
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	178,48	172,36
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,77	5,24
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,33	1,14
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,16	4,07
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,59	12,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,55	4,65
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,79	5,16

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2020, các chỉ số về khả năng thanh toán đều có mức tăng nhẹ so với năm 2019. Chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,99 lần lên 1,06 lần, chỉ số về khả năng thanh toán nhanh cũng tăng nhẹ từ 0,60 lần lên 0,80 lần. Nguyên nhân chính đến từ tài sản ngắn hạn đã tăng từ 959,08 tỷ đồng lên 1.013,96 tỷ đồng (tăng 5,72% so với cùng kỳ). Trong đó, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 192,5 tỷ đồng (tăng 353,21% so với cùng kỳ) – đây chủ yếu là những khoản tiền gửi ngân hàng với lãi suất 5,10% - 8,20%/ năm. Đồng thời, khoản tiền và tương đương tiền cũng ghi nhận mức tăng từ 153,8 tỷ đồng lên 222,14 tỷ đồng (tăng 44,72% so với cùng kỳ). Có thể thấy, trước diễn biến

phức tạp của đại dịch Covid như hiện nay, công ty đang để dành lượng lớn tiền của mình để ứng phó với những diễn biến khó lường từ nền kinh tế. lượng từ nền kinh tế.



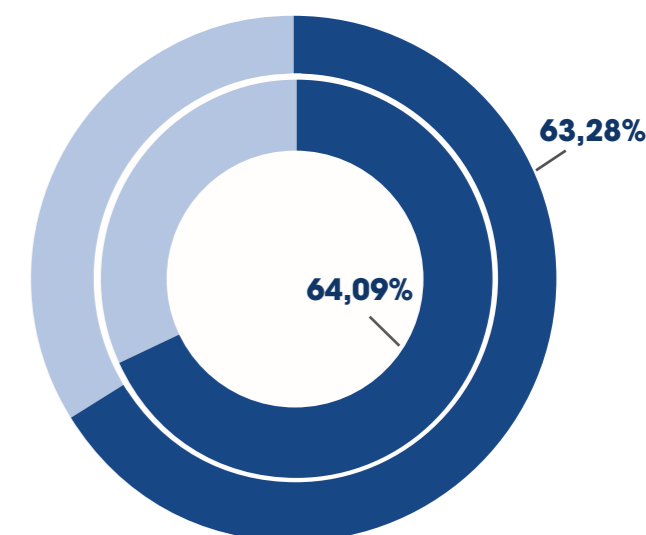
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Với việc tổng nợ trong năm giảm do nợ dài hạn giảm đột biến (giảm 18,54% so với cùng kỳ) đã dẫn đến các hệ số tổng nợ/ tổng tài sản giảm từ 64,09% xuống 63,28%; hệ số tổng nợ/vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 178,48% xuống 172,36%.

Trong năm, Nợ dài hạn giảm chủ yếu vì TVT đã tắt toán bớt 21,17 tỷ đồng tiền vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam –CN TP. Hồ Chí Minh, đồng thời không phát sinh nhiều khoản vay dài hạn có giá trị lớn.

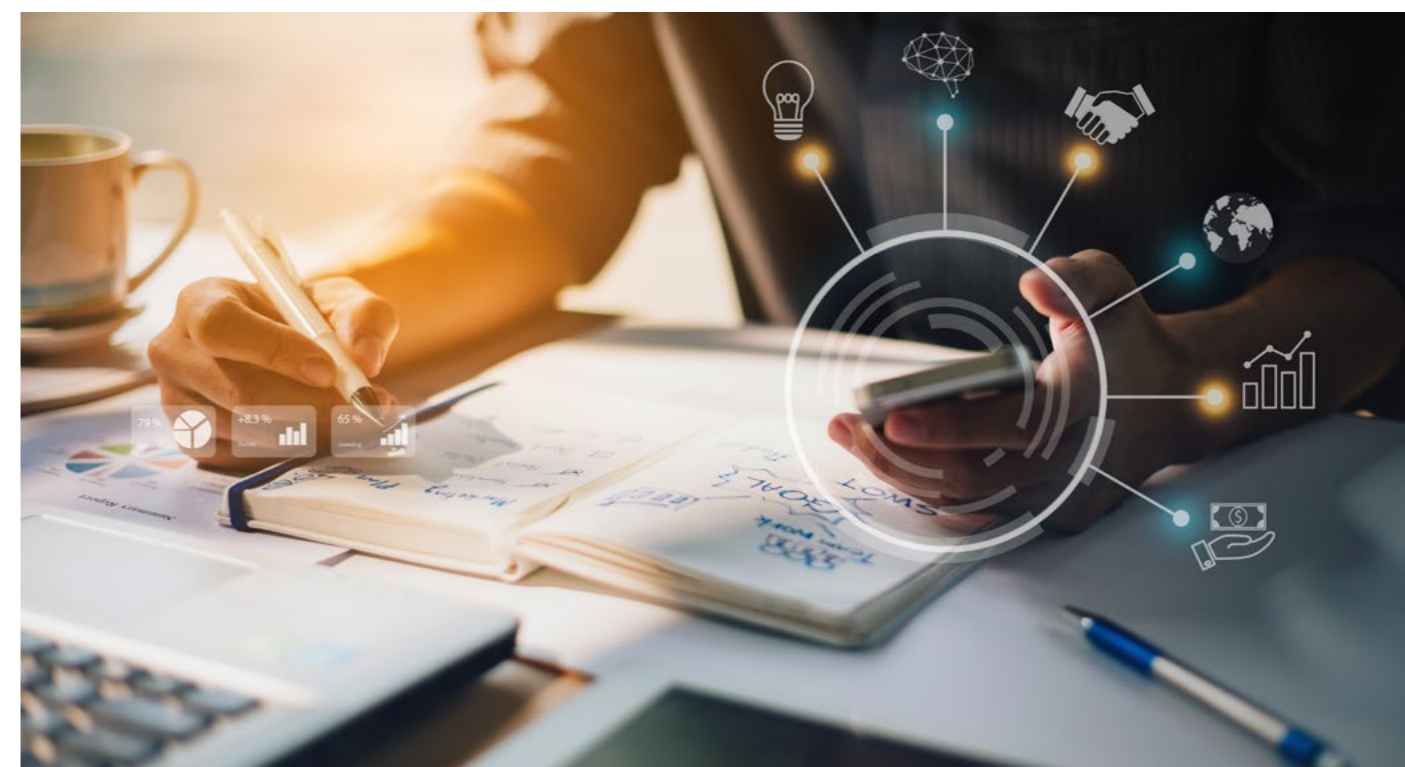
Nợ ngắn hạn hiện chiếm 93,73 % trong tổng nợ của TVT với giá trị lên đến 957,36 tỷ đồng. Trong đó, khoản vay tài chính chiếm tới 76,78% trong nợ ngắn hạn và đang có xu hướng tăng qua từng năm. Giai đoạn 2018-2020, TVT đã tăng vay nợ ngắn hạn từ 523,91 tỷ đồng lên 735,09 tỷ đồng. Đây chủ yếu là các khoản vay ngân hàng ngắn hạn với lãi suất 5,3% -5,7%/ năm nhằm mục đích bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, đầu tư thay thế thiết bị nhà máy. Việc duy trì tỷ lệ đòn bẩy cao như hiện nay có thể làm dòng tiền của TVT yếu đi do gánh nặng của việc thanh toán lãi vay.

Hệ số Nợ/Tổng tài sản



Vòng trong: Năm 2019
Vòng ngoài: Năm 2020

Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty cần theo dõi chặt chẽ tình hình vĩ mô, đặc biệt là chính sách lãi suất để đưa ra chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn cũng như cân đối phù hợp các nguồn tài trợ cho vốn của Công ty.

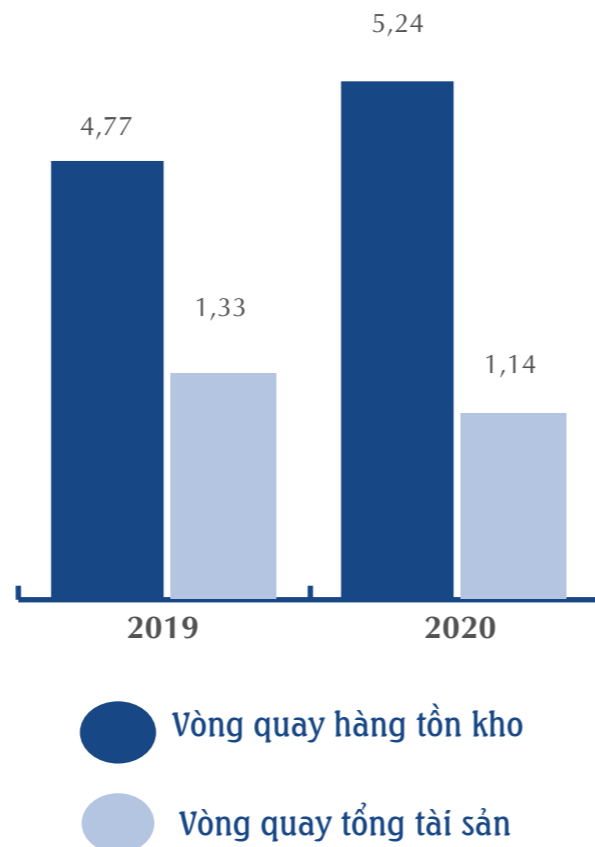


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay hàng tài sản có diễn biến trái chiều trong năm 2020. Cụ thể hơn, vòng quay hàng tồn kho đã tăng từ 4,77 vòng lên 5,24 vòng; vòng quay tổng tài sản lại ghi nhận giảm từ 1,33 vòng xuống còn 1,14 vòng. Nguyên nhân chủ yếu khiến vòng quay hàng tồn kho tăng chủ yếu đến hàng tồn kho ghi nhận mức giảm mạnh so với cùng kỳ (giảm 34,77% so với cùng kỳ). Số ngày hàng tồn kho cũng giảm từ 76,54 ngày xuống còn 69,68 ngày. Có thể thấy, do những nguyên nhân không thuận lợi của nền kinh tế chung như các thị trường Mỹ, châu Âu thực hiện lệnh đóng cửa, các đơn hàng trong tình trạng bị giãn/ hủy đơn đồng thời thiếu hụt các đơn hàng mới khiến TVT hạn chế trong việc nhập thêm nguyên vật liệu, giá công sản phẩm mới. Nếu tình trạng này còn diễn ra trong thời gian dài sẽ gây bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do thị hiếu, sức mua của thị trường thay đổi.

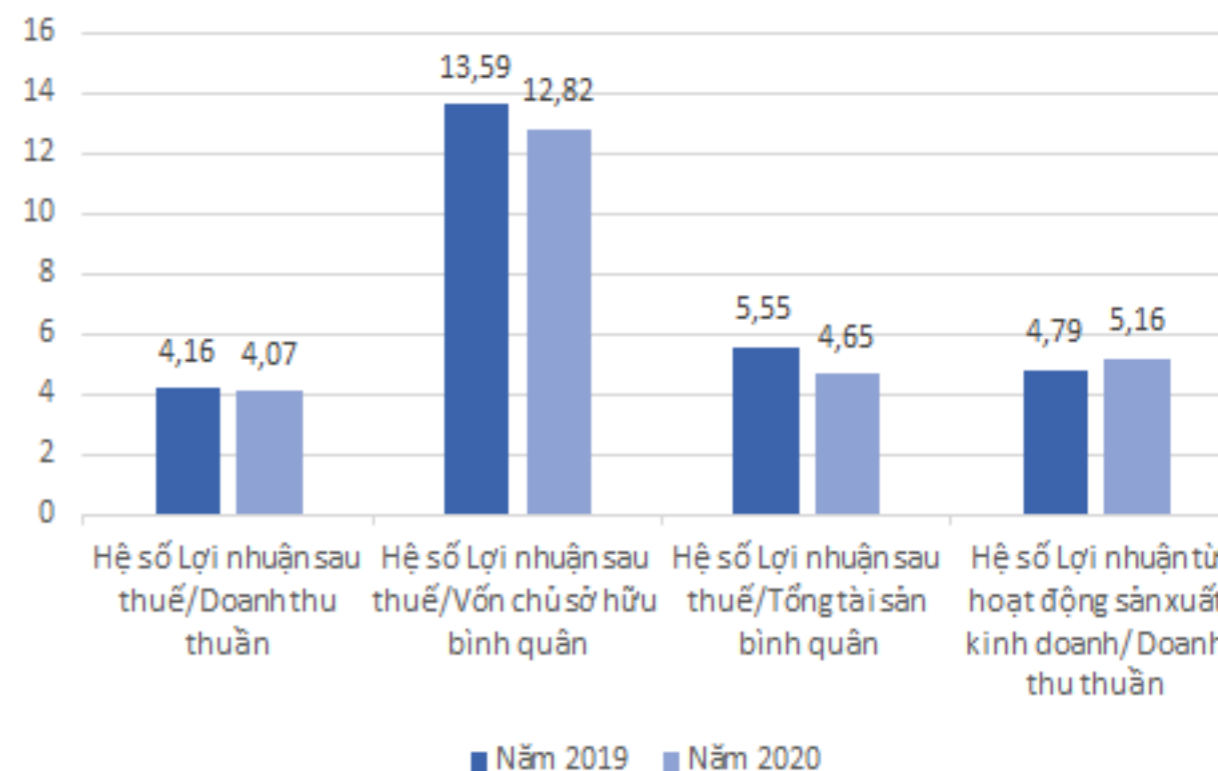
Đối với vòng quay tổng tài sản, do ảnh hưởng của dịch Covid khiến nguồn nguyên vật liệu bị gián đoạn, tình hình tiêu thụ dệt may sụt giảm dẫn đến doanh thu của TVT chỉ mới hồi phục trong những tháng gần đây khi tình hình dịch Covid trở nên ổn định hơn. Kết thúc năm 2020, doanh thu thuần của TVT đạt 1.857 tỷ đồng (giảm 13,93% so với cùng kỳ).



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2020, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều ghi nhận mức giảm nhẹ so với năm 2019. Trong đó, ROE đã giảm từ 13,59% về 12,82% (giảm 5,66% so với cùng kỳ), ROA cũng giảm từ 5,55% về 4,65% (giảm 16,13% so với cùng kỳ). Nguyên nhân chính khiến ROE và ROA đều giảm vì doanh thu thuần của Công ty đã giảm 13,93% so với cùng kỳ. Cụ thể hơn, mảng may chủ yếu xuất khẩu qua Mỹ, EU nên bị ảnh hưởng trực tiếp của tình trạng giãn/ hủy đơn hàng, đồng thời mảng sợi và mảng vải chủ yếu được bán ở thị trường nội địa tuy không bị ảnh hưởng trực tiếp từ tình

trạng giãn/hủy đơn nhưng các doanh nghiệp dệt may bị cắt giảm đơn hàng cũng khiến cho nhu cầu tiêu thụ sợi và vải giảm trong năm 2020. Tuy TVT đã sản xuất những sản phẩm phòng dịch để bù đắp cho các đơn hàng truyền thống nhưng đây chỉ là biện pháp mang tính thời vụ, kết quả kinh doanh vẫn phải phụ thuộc vào tình hình đơn hàng truyền thống hồi phục sau dịch Covid.



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU



Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
I Cổ đông trong nước					
1	Cổ đông nhà nước	1	9.855.000	98.550.000.000	46,93%
2	Cổ đông tổ chức	14	3.045.030	30.450.300.000	14,50%
3	Cổ đông cá nhân	685	8.074.480	80.744.800.000	38,45%
II Cổ đông nước ngoài					
1	Cá nhân	3	4.520	45.200.000	0,02%
2	Tổ chức	1	20.970	209.700.000	0,01%
III Cổ phiếu quỹ					
		-	-	-	-
Tổng cộng			21.000.000	210.000.000.000	100,00%

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn cung Nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Việt Thắng sử dụng nguồn nguyên vật liệu được cung cấp hầu hết từ nước ngoài như Thái Lan, Đài Loan, Hoa Kỳ,... Các nhà cung cấp của Tổng Công ty là các đối tác có kinh nghiệm, uy tín, nên các nguyên liệu này luôn được đảm bảo về chất lượng.

Nguồn nguyên liệu chính cho sản xuất là bông cotton, được nhập khẩu từ nước ngoài theo nhu

cầu sản xuất, thông thường từ 2 đến 3 tháng mua 01 lần như: bông cotton được nhập khẩu chủ yếu từ nguồn Tây Phi, Hoa Kỳ,...; xơ polyester và xơ visco được nhập khẩu chủ yếu từ Thái Lan, Đài Loan,...

Vật liệu: Hóa chất tổng hợp dùng để hồ sợi được nhập khẩu từ Đài Loan, Malaysia.

STT	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp	Xuất xứ
1	Bông cotton USA	Allen Berg	Hoa Kỳ
2	Bông Tây Phi	Olam	Tây Phi
3	Xơ Polyester	Kangwai	Thái Lan
4	Xơ visco	Thai Rayon	Thái Lan
5	Hóa chất hồ	Blattman	Đài Loan

Do ngành sản xuất nguyên phụ liệu của nước ta vẫn còn yếu kém, nguyên phụ liệu nội địa lại rất khó tìm và giá thành còn cao hơn nguyên phụ liệu ngoại khoản 20% nên ngành dệt may Việt Nam nói chung và Việt Thắng nói riêng vẫn lệ thuộc phần lớn vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu. Tổng Công ty luôn tuân thủ các quy định khắt khe về việc sử dụng các hóa chất, kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả, hợp lý nhằm giảm thiểu chi phí và đem lại lợi nhuận cho Tổng Công ty cũng như bảo vệ môi trường xung quanh.



Tiêu thụ năng lượng

Nhiên liệu Tổng Công ty sử dụng như dầu, than đá, củi dùng đốt lò hơi được cung cấp từ các Công ty trong nước theo hợp đồng ký mua hàng năm. Ngoài ra, Tổng Công ty sử dụng điện được cung cấp bởi Công ty Điện Lực TP. Hồ Chí Minh để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm.

Tiết kiệm năng lượng điện là một trong những vấn đề được Ban lãnh đạo Việt Thắng quan tâm hàng đầu. Nhân viên và ban quản lý đã đưa ra các giải pháp khả thi để giảm thiểu chi phí

sử dụng năng lượng trong sản xuất lẫn sinh hoạt, giảm bớt các tác động đến môi trường như:

- Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ về việc sử dụng điện trong Tổng Công ty, nhằm đảm bảo việc tiết kiệm điện trở thành thói quen và văn hóa Tổng Công ty.
- Thay thế các thiết bị điện cũ, cải tiến hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn tiết kiệm nhiên liệu

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tiêu thụ nước

Tổng Công ty luôn thực hiện tốt trong việc quản lý và kiểm soát lượng nước sử dụng. Hàng năm, TVT luôn khuyến khích nhân viên tiết kiệm nước trong sản xuất lẫn sinh hoạt, lập ra các giải pháp nhằm hạn chế lãng phí nguồn tài nguyên này. Ngoài ra, Tổng Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ đúng quy trình và quy định về xử lý nước thải từ hoạt động dệt, nhuộm nhằm đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật và các quy định trong hiệp định thương mại tự do.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Nhận thức được bảo vệ môi trường tự nhiên sẽ mang lại nhiều lợi ích đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cả cộng đồng, Tổng Công ty luôn chú trọng về vấn đề bảo vệ và tuân thủ pháp luật môi trường. Trong năm qua, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty không bị xử lý về vi phạm quy định về môi trường.
- Tổng Công ty phối hợp với Công đoàn Tổng Công ty thực hiện tuyên truyền, triển khai chương trình Giờ Trái Đất, thực hiện chính sách tiết kiệm điện, nước đến người lao động, cán bộ công nhân viên.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty cũng chung tay góp sức vào sự phát triển tại địa phương. Tổng công ty góp phần tạo công ăn việc làm, giúp giải quyết vấn đề việc làm tại địa phương; tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Bên cạnh đó, Tổng công ty trích một phần lợi nhuận nhằm hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.



Chính sách liên quan đến người lao động



Chính sách lao động nhằm về sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động đều được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Tổng Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Tổng Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức tốt việc thăm hỏi cán bộ nhân viên ốm đau, hiếu hỉ, tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao.

Hoạt động đào tạo người lao động luôn được chú trọng. Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhân viên thông qua các buổi chia sẻ, hội thảo chuyên ngành. Đồng thời, Tổng Công ty cũng khuyến khích người lao động tự tìm tòi, nghiên cứu nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.

Các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi người lao động nhận được đều được quy định rõ ràng. Bên cạnh đó, TVT cũng đang dần hoàn thiện quy chế lương thưởng các vị trí công việc được chuẩn hóa, sự phân công công việc cho người lao động được cụ thể, rõ ràng, tiền lương được trả theo năng lực, hiệu quả của từng cá nhân.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2020, tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn hết sức khó khăn. Đại dịch Covid khiến cho nền kinh tế trở nên trì trệ, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu., giá cả các loại nguyên liệu, năng lượng giảm sâu ảnh hưởng sâu sắc tới các ngành vận tải, du lịch, dệt may- đặc biệt là giá các loại nguyên liệu cơ bản như bông xơ cũng giảm sâu khiến đầu ra đối với sợi – dệt rất khó khăn.

Riêng đối với TVT, ở mảng may: Do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid 19, các khách hàng ở thị trường Mỹ -EU đã thông báo gián/hủy đơn khiến cho TVT hầu như không có đơn hàng để sản xuất, tình trạng đơn đặt hàng mới phải phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình kiểm soát dịch bệnh ở hai thị trường này. Đối với mảng sợi và mảng vải: Được bán chủ yếu ở nội địa, không chịu ảnh hưởng trực

tiếp từ các chính sách phong tỏa từ Mỹ và EU nhưng việc cắt giảm đơn hàng khiến nhu cầu tiêu thụ sợi và vải sụt giảm. Trước những khó khăn đó, với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động, Tổng công ty đã không ngừng phân bổ năng lực phù hợp, củng cố, hoàn thiện mô hình sản xuất và hệ thống nhằm tiết giảm chi phí và đạt được một số kết quả như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:

- Tổng doanh thu thuần đạt được : 1.594.832.518.970 VNĐ
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 70.337.833.973 VNĐ

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu thuần : 1.857.171.789.615 VNĐ
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 75.527.258.617 VNĐ

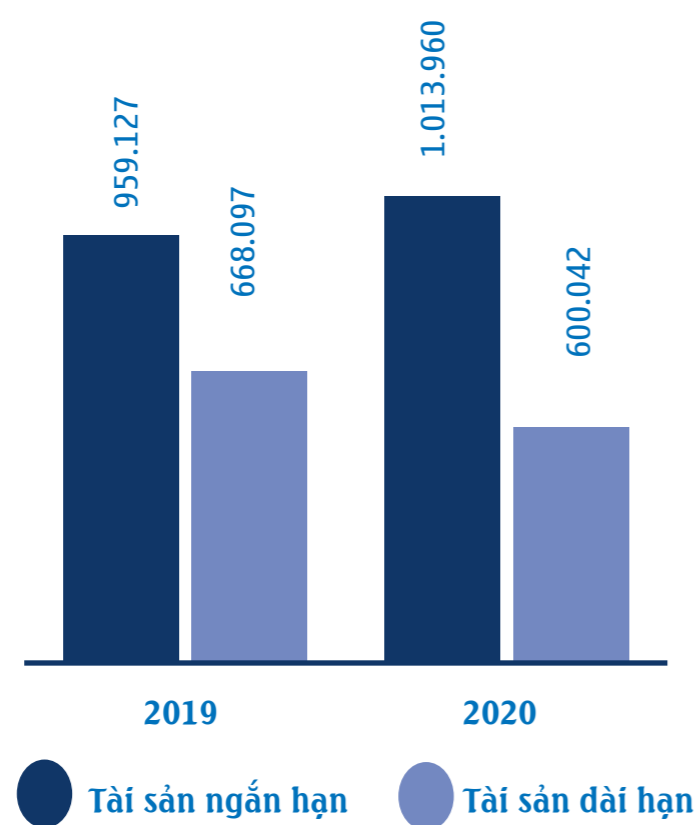


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH2020/ TH2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	959.127	1.013.960	105,72%	58,79%	62,82%
Tài sản dài hạn	668.097	600.042	89,28%	41,21%	37,18%
Tổng tài sản	1.627.224	1.614.002	98,95%	100%	100%

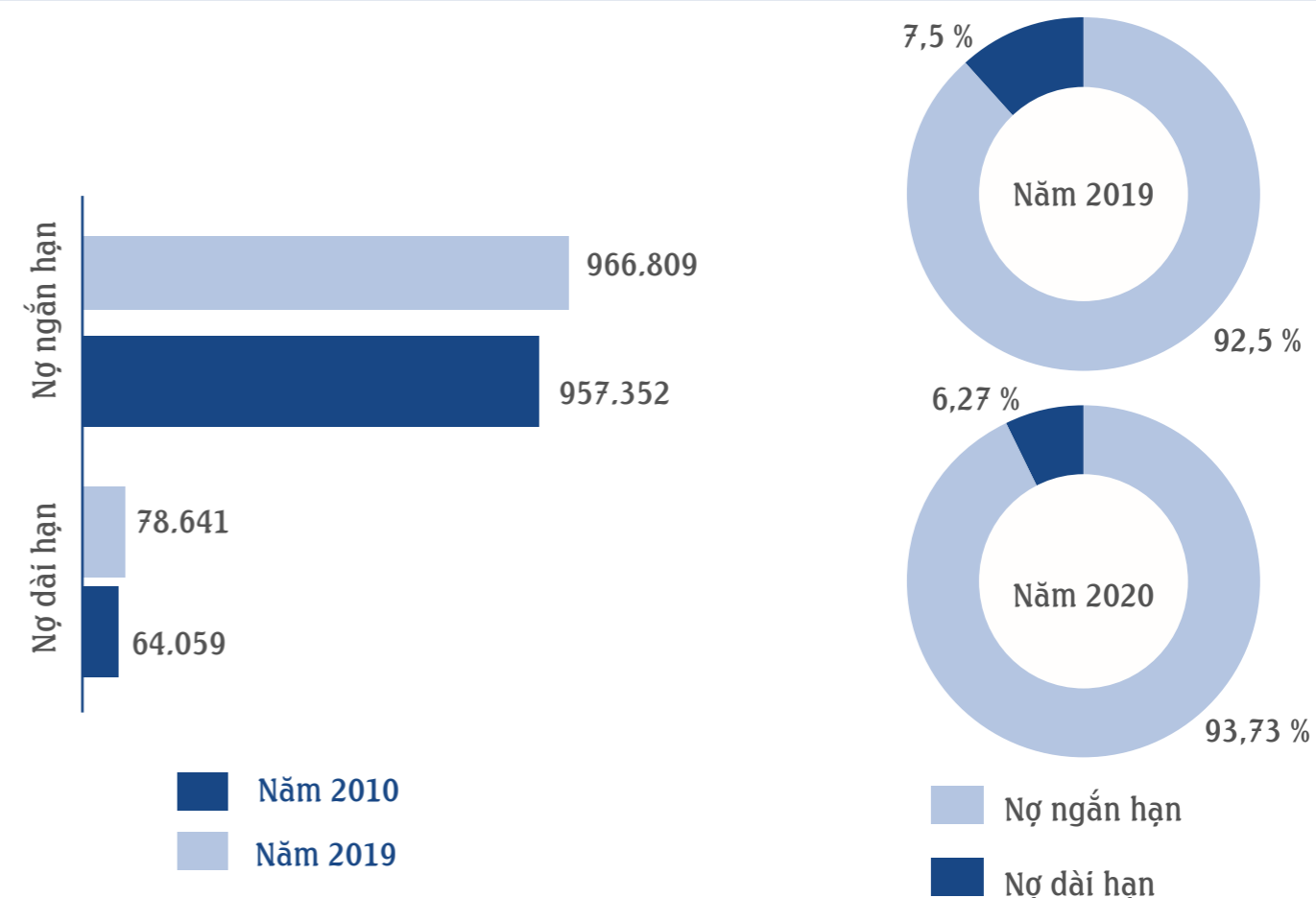


Cơ cấu tài sản gần như không có sự thay đổi nhiều, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao, lên đến 62,82% trong năm 2020. Tài sản ngắn hạn đã tăng 54,88 tỷ đồng (tăng 5,72% so với cùng kỳ), nguyên nhân chính đến từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 192,5 tỷ đồng (tăng 353,21% so với cùng kỳ) như đã đề cập ở trong phân tích về các chỉ tiêu về khả năng thanh toán. Trong khi đó, tài sản dài hạn lại có sự sụt giảm 10,72% so với cùng kỳ do Tổng công ty tăng khấu hao tài sản cố định.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH2020/ TH2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	966.809	957.352	99,02%	92,5%	93,73%
Nợ dài hạn	78.641	64.059	81,46%	7,5%	6,27%
Tổng nợ phải trả	1.045.450	1.018.672	108,5%	100%	100%



Trong năm 2020, nợ phải trả của TVT đã giảm xuống còn 1.021 tỷ đồng (giảm 2,3% so với cùng kỳ), đồng thời, cơ cấu tổng nợ phải trả vẫn không thay đổi, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao lên đến 93,73% với

giá trị 1957,35 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn của TVT giảm nhẹ so với cùng kỳ do trong năm, TVT không còn ghi nhận khoản phải trả trước cho nhà cung cấp là Công ty TNHH Dệt Việt Phú.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2021

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.026
2	Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	90
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	91,29
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	73,04
5	Tỷ lệ cổ tức	%	25

Biện pháp triển khai thực hiện

Về công tác sản xuất kinh doanh:

Tổng Công ty sẽ hết sức chú ý đến công tác phát triển mặt hàng mới để tạo sự khác biệt, cố gắng duy trì và phát triển khách hàng cũ, tìm kiếm các khách hàng mới trong và ngoài nước thông qua các kênh khác nhau - đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm bằng các biện pháp cụ thể như: tự động hoá các khâu sản xuất chính, cân đối dây chuyền một cách hợp lý, tính toán mặt hàng sản xuất tối ưu, triệt để tiết kiệm nguyên liệu nhất là bông xơ, vật tư, phụ tùng và năng lượng.

Ngoài ra, Tổng Công ty tăng cường đầu tư vào khâu sản xuất vải thành phẩm, ổn định chất lượng khâu in nhuộm và hoàn tất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, gia tăng lợi nhuận và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Đặc biệt, từ năm 2021 trở đi, để tiếp tục phát triển một cách bền vững Tổng Công ty sẽ tập trung nguồn lực để cố gắng từng bước trở thành một công đoạn trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu nhất là đối với vải dệt thoi mà Công ty đang có thế mạnh, tăng cường sử dụng nguyên liệu thân thiện môi trường như bông organic, bông BCI, xơ tái chế, ...

Để phát triển doanh số và mở rộng thị trường, Tổng Công ty sẽ tăng cường nhân lực cho bộ phận kinh doanh thị trường; áp dụng các hình thức khuyến khích như thưởng doanh thu, tăng cường khâu tiếp thị bán hàng qua các kênh khác nhau (bao gồm các kênh truyền thống và các kênh bán hàng online như Amazon, Alibaba, trên mạng xã hội như Zalo, Facebook, YouTube...).

Về đầu tư

Trong năm 2021 Việt Thắng có 1 dự án mới: Dự án đầu tư bổ sung thiết bị Nhà máy Sợi giai đoạn 1 năm 2021 bao gồm: 1 máy tách xơ ngoại lai, 2 máy chải thô Cotton, 12 máy chải thô PES, 1 máy chải kỹ, 1 máy ghép có chức năng tự động làm đều và 1 máy ghép không có chức năng tự động làm đều với tổng mức đầu tư 27 tỷ đồng bằng nguồn vốn tự có (30%) và vốn vay Ngân hàng thương mại (70%). Các lô đã tiến hành đấu thầu dự kiến sẽ được đưa vào hoạt động từ đầu quý III năm 2021.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, HĐQT nhận thấy nền kinh tế trong nước không nằm ngoài sự suy giảm chung với nền kinh tế thế giới, điều đó đã kéo theo bất lợi đến hoạt động của Tổng Công ty. Thêm vào đó, ảnh hưởng của việc phong tỏa khiến cho thị trường dật may trên thế giới sụt giảm nguyên nhân đến từ việc giảm tiêu thụ hàng dật may tại các khu vực có tỷ trọng tiêu thụ cao như Châu Âu, Nhật Bản,... Điều này đã tác động không nhỏ đến thị trường dật may Việt Nam nói chung cũng như TVT nói riêng. Đặc biệt là giá nguyên liệu bông, xơ biến động liên tục trong năm đã ảnh hưởng không tốt đến việc tiêu thụ vải, sợi. Những kết quả đạt được của Tổng Công ty Việt Thắng là sự cố gắng rất đáng

khen ngợi của một tập thể cán bộ nhân viên Tổng Công ty cùng lòng quyết tâm cao, sự nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo Tổng Công ty. Kết quả trên, được thể hiện qua những mặt sau:

Tổng Công ty vừa duy trì ổn định sản xuất, vừa đầu tư mở rộng sản xuất, hướng đến phát triển mạnh mẽ cho các năm sau. Trong năm 2020, Tổng Công ty chủ yếu đầu tư mới thiết bị sợi dật đồng thời cũng tiếp tục đầu tư bổ sung thiết bị, đầu tư chiều sâu để cải thiện chất lượng, càng nâng cao tính hiệu quả các dự án đã đầu tư là một cố gắng lớn của

Ban lãnh đạo để đổi mới, hiện đại hóa thiết bị đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và thị trường.

Chất lượng công tác: hạch toán kế toán, tuyển dụng đào tạo nhân sự mới được chú trọng và nâng cao, tình hình tài chính lành mạnh, quan hệ tín dụng tốt đảm bảo cho nguồn vốn lưu động có chi phí tài chính thấp.

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	TH Năm 2019	KH năm 2020	TH Năm 2020	So sánh	
				% TH 2020/ % TH 2019	% TH 2020/ % KH 2020
Doanh thu thuần	2.157.674	1.647.000	1.857.172	86,07%	112,76%
Lợi nhuận từ HĐKD	103.480	-	95.831	92,61%	-
Lợi nhuận khác	8.689	-	(-975)	(11,22%)	-
Lợi nhuận trước thuế	112.169	56.250	94.856	84,56%	168,63%
Lợi nhuận sau thuế	89.808	45.000	75.527	84,10%	167,84%
Tỷ lệ cổ tức	25,00%	15,00%	17,00%	68,00%	113,33%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động giám sát

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của Tổng Giám đốc và các công việc quản lý khác để kiểm tra các vấn đề: Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra. HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Tổng giám đốc nhằm đảm bảo các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT ban hành theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị của Tổng công ty.

HĐQT cũng xem xét đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để có biện pháp chỉ đạo Ban TGD, quan tâm nguồn nhân lực để bổ sung cho Tổng công ty.

Kết quả hoạt động giám sát

Ban Tổng Giám đốc trong năm đã thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra; hoàn thành các nội dung và Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT ban hành

Trước những khó khăn của thị trường năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã có những động thái thúc đẩy đội ngũ cán bộ công nhân viên tập trung sản xuất kinh doanh. Thực hiện các chương trình đào tạo đội ngũ nhân viên lành nghề.

Ban Tổng Giám đốc đã chủ động trong việc đẩy mạnh công tác thị trường, khảo sát thị trường mới, chăm sóc khách hàng và chế độ hậu mãi để duy trì mối quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác hiện tại, đồng thời sẵn sàng cho sự thâm nhập vào thị trường mới khi có cơ hội.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tại ngày 31/12/2020)

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch HĐQT	765.500	3,64%
Điều Chí Hào	Thành viên HĐQT	576.850	2,75%
Trần Thị Thanh Phượng	Thành viên HĐQT	68.000	0,32%
Nguyễn Quang Minh	Thành viên HĐQT	51.000	0,24%
Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	0	0

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch HĐQT	16/16	100%	
Điều Chí Hào	Thành viên HĐQT	16/16	100%	
Trần Thị Thanh Phượng	Thành viên HĐQT	16/16	100%	
Lê Nguyên Ngọc	Thành viên HĐQT	11/11	100%	Kết thúc nhiệm kỳ
Nguyễn Quang Minh	Thành viên HĐQT	05/05	100%	Nhiệm kỳ mới
Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	16/16	100%	

BÁO CÁO
QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông: NGUYỄN ĐỨC KHIÊM - Chủ tịch HĐQT

Xem lý lịch Ban điều hành

Ông: ĐIỀU CHÍ HẢO - Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 25/11/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 70 đường A, Khu villa ADC, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM

Trình độ chuyên môn :

Quá trình công tác

- Từ 1995 – 2003 : Nhân viên Kinh doanh & Xuất nhập khẩu - Công ty TNHH Quốc tế Hoàng Việt
- Từ 2004 – 2012 : Giám đốc Công ty TNHH Tường Long.
- 2013 – nay : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dệt Tường Long

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dệt Tường Long

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 576.850 cổ phiếu (2,74% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 1.075.000 cổ phiếu (5,12% vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Bà: TRẦN THỊ THANH PHƯỢNG - Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 06/12/1966

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 44 đường Đinh Phong Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, Q9, TP HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ 1986 – nay : Cán bộ nhân viên tại Tổng Công ty Việt Thắng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 68.000 cổ phiếu (0,32% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 124.830 cổ phiếu (0,59% vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Ông: NGUYỄN QUANG MINH - Thành viên HĐQT

Xem lý lịch Ban điều hành

Ông: PHẠM MINH TUẤN - Thành viên HĐQT

Xem lý lịch Ban điều hành



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
10/NQ-HĐQT/2020	21/02/2020	Về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 1 TP HCM, Ngân hàng SINOPAC – Chi nhánh TP.HCM
17/NQ-HĐQT/2020	02/03/2020	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng -CTCP
22/NQ-HĐQT	11/03/2020	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và Kế hoạch tạm ứng cổ tức 2019 bằng tiền mặt
32/NQ-HĐQT	25/03/2020	Thay đổi kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
52/NQ-HĐQT	06/05/2020	Thông qua việc chốt danh sách chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
60/HĐQT-VT 2020	26/05/2020	Thông qua vay vốn, mở L/C tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM
66/HĐQT-VT 2020	11/06/2020	Thông qua vay vốn, mở L/C tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
89/NQ-HĐQT	24/07/2020	Về việc bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty
116/NQ-HĐQT-VT 2020	15/09/2020	Thông qua vay vốn, mở L/C tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM
155/ NQ-HĐQT/2020	10/11/2020	Thông qua vay vốn, mở L/C tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Đức Lợi	Trưởng Ban Kiểm soát	7.460	0,035%
Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%
Đào Thị Nội	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Nguyễn Đức Lợi	Trưởng Ban Kiểm soát	4/4	100%
Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	4/4	100%
Đào Thị Nội	Thành viên Ban Kiểm soát	4/4	100%



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Xem xét giám sát các hoạt động của HĐQT để thực hiện kế hoạch tài chính 2020 và các kế hoạch khác đã được Đại hội đồng cổ đông 2020 thông qua.
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Ban kiểm soát kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty để tuân thủ theo pháp luật, điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Phối hợp trong công tác kiểm tra giám sát và kiểm soát nội bộ.

BAN KIỂM SOÁT

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông: NGUYỄN ĐỨC LỢI - Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 26/10/1964

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 23/2 Đường Tam Hà, P.Tam Phú, Q.Thủ Đức, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân toán hướng tin học

Quá trình công tác

• Từ 1989 – nay : Cán bộ công nhân viên tại Tổng Công ty Việt Thắng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

• Số cổ phần cá nhân sở hữu: 7.460 cổ phiếu (0,035% vốn điều lệ)

• Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (0 % vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Bà: ĐÀO THỊ NỘI - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 19/06/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 96 Lê Văn Chí, KP5, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Thương mại

Quá trình công tác

• Từ 12/1995 – 12/1997 : Kế toán Tổng hợp BP. QATE thuộc Phòng May Công ty Dệt Việt Thắng

• Từ 01/1998 – 12/2005 : Kế toán Tổng hợp Nhà máy May 5 – Công ty Dệt Việt Thắng

• Từ 01/2006 – 10/2006 : Kế toán – Ban Kế toán – CTCP May Việt Thắng

• Từ 11/2006 – Nay : Kế toán trưởng – CTCP May Việt Thắng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng – CTCP May Việt Thắng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

• Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu (0 % vốn điều lệ)

• Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (0 % vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Bà: VŨ THỊ THÙY DƯƠNG- Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 10/10/1976

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 408 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác

• Từ 08/1998– 08/2002 : Kế toán Công ty Tài chính Dệt may

• Từ 08/2002– 08/2006 : Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán – Tập đoàn Dệt may Việt Nam

• Từ 08/2006- 08/2010 : Trưởng phòng Kế toán và Nguồn vốn – Chi nhánh Công ty Tài chính Dệt may

• Từ 08/2010- 01/2011 : Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán – Tập đoàn Dệt may Việt Nam

• Từ 01/2011- 03/2011 : Phó Phòng Tài chính Kế toán – Văn phòng đại diện Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại TP. HCM

• Từ 03/2011- Nay : Phó Ban Tài chính Kế toán – Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

• Phó Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Dệt May Việt Nam

• Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Bông Việt Nam

• Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư Vinatex Tân Tạo

• Ủy viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phong Phú

• Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

• Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu (0% vốn điều lệ)

• Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (0 % vốn điều lệ)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 179/2021/BCKTHN-HCM.001074



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1



- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán

100 / 01
H
C
O
I
T
I
101

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.013.960.420.279	959.083.831.204
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	222.145.897.135	153.802.573.073
Tiền	111		136.145.897.135	78.802.573.073
Các khoản tương đương tiền	112		86.000.000.000	75.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		247.000.000.000	54.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	247.000.000.000	54.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.897.127.425	364.890.459.094
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	288.383.519.123	349.694.181.227
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.626.768.393	8.733.628.504
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	12.490.893.145	10.673.493.357
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(12.604.053.236)	(4.210.843.994)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	248.143.103.949	380.455.276.413
Hàng tồn kho	141		255.222.519.436	383.497.005.222
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.079.415.487)	(3.041.728.809)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.774.291.770	5.435.522.624
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	5.419.659.008	2.436.835.638
Thuế GTGT được khấu trừ	152		349.053.498	2.290.486.473
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	5.579.264	708.200.513
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		600.041.653.345	672.111.081.215
Các khoản phải thu dài hạn	210		19.355.000.000	19.365.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	355.000.000	365.000.000
Tài sản cố định	220		482.719.840.690	556.744.874.385
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	482.719.840.690	556.703.207.720
Nguyên giá	222		1.573.453.379.133	1.546.512.102.207
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.090.733.538.443)	(989.808.894.487)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	41.666.665
Nguyên giá	228		1.139.772.808	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.139.772.808)	(1.098.106.143)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	53.549.752.588	54.251.903.554
Nguyên giá	231		97.295.057.219	92.640.449.375
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(43.745.304.631)	(38.388.545.821)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.889.950.274	5.333.153.742
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	5.889.950.274	5.333.153.742
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	15.361.194.194	17.398.824.095
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.761.194.194	12.798.824.095
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.600.000.000	4.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		23.165.915.599	19.017.325.439
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	21.973.751.159	18.753.355.868
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.192.164.440	263.969.571
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.614.002.073.624	1.631.194.912.419

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.021.411.298.488	1.045.449.995.773
Nợ ngắn hạn	310		957.352.178.203	966.809.477.055
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	75.008.899.600	106.330.966.295
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.522.054.346	14.589.773.541
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	16.584.660.523	9.809.935.442
Phải trả người lao động	314		39.123.832.400	49.242.438.435
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		320.745.380	507.950.033
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	78.115.520.215	71.351.391.152
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	735.091.117.615	707.519.330.990
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		7.585.348.124	7.457.691.167
Nợ dài hạn	330		64.059.120.285	78.640.518.718
Phải trả dài hạn khác	337	5.14	4.871.227.150	2.535.841.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	59.187.893.135	76.104.677.718
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	592.590.775.136	585.744.916.646
Vốn chủ sở hữu	410		592.590.775.136	585.744.916.646
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		61.655.958.985	61.655.958.985
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		250.052.891.587	242.165.328.224
LNST chưa phân phối năm trước	421a		178.012.610.845	156.894.322.745
LNST chưa phân phối năm nay	421b		72.040.280.742	85.271.005.479
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		57.819.197.291	68.860.902.164
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.614.092.073.624	1.631.194.912.419

HOÀNG THỊ THUYẾT VÂN
Người lậpDIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởngNGUYỄN ĐỨC KHIÊM
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.861.903.326.428	2.159.465.524.410
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.731.536.813	1.791.741.254
Doanh thu thuần	10	6.1	1.857.171.789.615	2.157.673.783.156
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.646.277.042.111	1.938.899.921.767
Lợi nhuận gộp	20		210.894.747.504	218.773.861.389
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.361.421.332	15.955.699.330
Chi phí tài chính	22	6.4	38.894.644.207	36.856.836.678
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.276.293.692	35.645.832.197
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		312.370.100	1.664.158.390
Chi phí bán hàng	25	6.5	17.549.375.353	22.035.669.025
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	80.293.686.565	74.021.254.600
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		95.830.832.811	103.479.958.806
Thu nhập khác	31		917.134.363	8.917.051.208
Chi phí khác	32		1.891.918.663	227.727.853
Lợi nhuận khác	40		(974.784.300)	8.689.323.355
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94.856.048.511	112.169.282.161
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		20.256.984.763	21.776.832.400
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(928.194.869)	584.815.361
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		75.527.258.617	89.807.634.400
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		72.040.280.742	85.271.005.479
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.486.977.875	4.536.628.921
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.096	3.684

HOÀNG THỊ THUYẾT VÂN
Người lậpDIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởngNGUYỄN ĐỨC KHIÊM
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	94.856.048.511	112.169.282.161
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	112.920.759.140	122.490.219.257
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	12.430.895.920	835.379.118
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	04	(873.460.270)	(386.083.283)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.561.791.306)	(17.441.248.176)
Chi phí lãi vay	06	37.276.293.692	35.645.832.197
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	238.048.745.687	253.313.381.275
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	74.287.445.453	(24.037.037.960)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	128.274.485.786	55.372.226.507
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(37.264.642.887)	(12.302.169.065)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(6.203.218.661)	2.138.374.165
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.017.340.575)	(35.389.989.225)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.429.844.556)	(23.538.086.516)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.780.637.711)	(9.241.470.970)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	337.914.992.536	206.315.228.211
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(43.546.019.074)	(59.222.270.991)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.001.727.273	4.019.905.112
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(334.500.000.000)	(321.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	142.000.000.000	282.549.150.685
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.462.579.300	10.340.308.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(225.581.712.501)	(83.312.906.234)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.453.211.519.530	1.619.426.981.217
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.442.316.419.927)	(1.451.186.159.048)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(55.462.950.000)	(209.659.012.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44.567.850.397)	(41.418.190.331)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	67.765.429.638	81.584.131.646
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	153.802.573.073	72.140.744.218
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	577.894.424	77.697.209
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	222.145.897.135	153.802.573.073

HOÀNG THỊ THUY VÂN
Người lậpDIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởngNGUYỄN ĐỨC KHIÊM
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm: Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty cổ phần May Việt Thắng, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An và các công ty liên doanh, liên kết là Công ty TNHH Việt Thắng Luch I, Công ty cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 10 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 6 năm 2017.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ bao gồm:

- Sản xuất vải.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành công nghiệp.
- Sản xuất bông, xơ, sợi.
- Sản xuất sản phẩm may mặc.
- Kinh doanh bất động sản.
- Mua bán vải, sản phẩm may mặc.
- Mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi. Mua bán hóa chất ngành công nghiệp, ngành xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh).
- Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Thoát nước và xử lý nước thải.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá.
- Thu gom rác thải không độc hại.
- Hoạt động của các cảng tin.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước và;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ cho thuê kho bãi).

Trong năm hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1.5 Cấu trúc của Tổng Công ty

Danh sách các công ty con; công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng may mặc, gia công may	52,27%	52,27%
- Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	58,55%	58,55%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại áo cao cấp	50,00%	50,00%
- Công ty Cổ phần Thương mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mua bán nguyên vật liệu ngành dệt	20,00%	20,00%
- Công ty TNHH Thời Trang Hiệp Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại quần áo thời trang	35,00%	18,29%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.850 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.855 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (công ty mẹ), công ty cổ phần May Việt Thắng (công ty con) và công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết****Công ty liên doanh**

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Thành phẩm: bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	05 – 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa	05 – 25 năm

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí lên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.22 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.23 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Tập đoàn dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần Thương mại Dệt May Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thời Trang Hiệp Thắng	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt tồn quỹ	507.327.736	335.823.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	135.638.569.399	78.466.749.263
Các khoản tương đương tiền	86.000.000.000	75.000.000.000
	222.145.897.135	153.802.573.073

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	247.000.000.000	247.000.000.000	54.500.000.000	54.500.000.000
	247.000.000.000	247.000.000.000	54.500.000.000	54.500.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 đến 12 tháng tại công ty tài chính với lãi suất 5,10% - 8,20%/năm.

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1) 10.761.194.194	12.798.824.095
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2) 4.600.000.000	4.600.000.000
	15.361.194.194	17.398.824.095

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	8.796.185.293	10.910.484.230
Công ty CP Thương mại Dệt – may TP. Hồ Chí Minh	-	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	1.965.008.901	1.888.339.865
	10.761.194.194	12.798.824.095

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Phong Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
	4.600.000.000	4.600.000.000

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong năm

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Tình hình biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tại ngày đầu năm	12.798.824.095	9.414.183.350
Điều chỉnh khác	(1)	1.866.838.355
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	312.370.100	1.664.158.390
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.350.000.000)	(14.635.600)
Cổ tức đã nhận	-	(131.720.400)
Tại ngày cuối năm	10.761.194.194	12.798.824.095

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	1.375.517.155	4.140.464.448
Công ty TNHH Thời Trang Hiệp Thắng	-	131.628.869
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	71.142.192.952	-
Công ty TNHH Textiles In Saigon	9.371.956.629	31.467.619.535
Các khách hàng khác	206.493.852.387	313.954.468.375
	288.383.519.123	349.694.181.227

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	2.630.922.000	-	2.630.922.000	-
- Phải thu về cổ tức	11.478.916	-	33.354.398	-
- Phải thu về thuốc y tế	-	-	-	-
Công ty TNHH Thời Trang Hiệp Thắng	-	-	252.000.000	-
- Phải thu về cổ tức	390.000	-	6.580.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Lãi tiền gửi phải thu	6.398.809.567	-	836.250.682	-
Phải thu về doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	3.130.487.731	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.449.292.662	-	3.783.898.546	-
	12.490.893.145	-	10.673.493.357	-

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản ký cược, ký quỹ	355.000.000	-	365.000.000	-
	355.000.000	-	365.000.000	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu thương mại				
Các đối tượng khác				
<i>Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm</i>				
Ông Bùi Đức Nhạc	4.505.091.225	3.153.563.858	-	-
<i>Nợ quá hạn trên 1 năm dưới 2 năm</i>				
Công ty TNHH TM Phó Nghiệp Thành	-	-	3.937.176.237	-
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm dưới 3 năm</i>				
Công ty TNHH Thương mại Phó Nghiệp Thành	7.854.352.473	-	-	-
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Kết	273.667.757	-	273.667.757	-
Phải thu khác – TK 138				
Bên liên quan				
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm dưới 3 năm</i>				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	1.505.184.395	451.555.317	-	-
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	1.133.948.503	-	-	-
Các đối tượng khác				
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Đa Phương Thức Thông Minh – CN Đà Nẵng	936.928.058	-	-	-
	16.209.172.411	3.605.119.175	4.210.843.994	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tại ngày đầu năm	4.210.843.994	273.667.757
Trích lập dự phòng trong năm	8.393.209.242	3.937.176.237
Tại ngày cuối năm	12.604.053.236	4.210.843.994

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.753.760.670	-	12.391.289.002	-
Nguyên vật liệu	53.416.298.902	(848.618.073)	105.499.964.174	(848.618.073)
Công cụ và dụng cụ	172.407.001	-	157.218.825	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	46.364.411.900	-	54.093.561.791	-
Thành phẩm	141.748.924.607	(6.230.797.414)	199.336.637.246	(2.193.110.736)
Hàng hóa	295.350.538	-	40.719.555	-
Hàng gửi đi bán	8.471.365.818	-	11.977.614.629	-
	255.222.519.436	(7.079.415.487)	383.497.005.222	(3.041.728.809)

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tại ngày đầu năm (Hoàn nhập) / dự phòng trong năm	3.041.728.809 4.037.686.678	6.143.525.928 (3.101.797.119)
Tại ngày cuối năm	7.079.415.487	3.041.728.809
5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn		
5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bảo hiểm rủi ro tài sản	39.788.784	42.379.994
Công cụ, dụng cụ	5.379.870.224	2.394.455.644
	5.419.659.008	2.436.835.638
5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn		
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.306.867.649	4.045.116.725
Công cụ, dụng cụ	15.621.301.997	12.685.049.813
Chi phí khác	3.045.581.513	2.023.189.330
	21.973.751.159	18.753.355.868

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	212.262.203.020	1.318.083.530.985	15.442.654.883	723.713.319	1.546.512.102.207
Tăng trong năm	6.349.870.000	30.549.719.976	270.000.000	54.810.000	37.224.399.976
Thanh lý trong năm	-	(10.181.174.141)	(101.948.909)	-	(10.283.123.050)
Tại ngày 31/12/2020	218.612.073.020	1.338.452.076.820	15.610.705.974	778.523.319	1.573.453.379.133
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	138.819.784.504	839.532.630.196	10.827.562.344	628.917.443	989.808.894.487
Khấu hao trong năm	8.851.556.105	101.134.724.942	1.083.250.743	25.828.590	111.095.360.380
Thanh lý trong năm	-	(10.068.767.515)	(101.948.909)	-	(10.170.716.424)
Tại ngày 31/12/2020	147.671.340.609	930.598.587.623	11.808.864.178	654.746.033	1.090.733.538.443
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	73.442.418.516	478.550.900.789	4.615.092.539	94.795.876	556.703.207.720
Tại ngày 31/12/2020	70.940.732.411	407.853.489.197	3.801.841.796	123.777.286	482.719.840.690

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 454.255.618.614 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 324.186.536.581 VND).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 334.703.701.069 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 380.298.130.013 VND) – Xem thêm mục 5.15.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phản mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020	1.139.772.808
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2020	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	1.098.106.143
Khấu hao trong năm	41.666.665
Tại ngày 31/12/2020	1.139.772.808
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	41.666.665
Tại ngày 31/12/2020	-
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	
Tại ngày 01/01/2020	889.772.808
Tại ngày 31/12/2020	1.139.772.808

5.10 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020	92.640.449.375
Tăng trong năm	4.654.607.844
Tại ngày 31/12/2020	97.295.057.219
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	38.388.545.821
Khấu hao trong năm	5.356.758.810
Tại ngày 31/12/2020	43.745.304.631
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	54.251.903.554
Tại ngày 31/12/2020	53.549.752.588
Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê:	
Tại ngày 01/01/2020	26.436.678.414
Tại ngày 31/12/2020	26.436.678.414

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	31/12/2020 VND
Mua sắm tài sản cố định					
- Máy ghép sợi	-	2.150.464.650	(2.150.464.650)	-	-
- Máy đánh ống tự động	-	10.329.230.971	(10.329.230.971)	-	-
- Máy chải	1.137.561.591	-	(1.137.561.591)	-	-
- Hệ thống bông chải liên hợp	21.922.151	5.984.815.141	(6.006.737.292)	-	-
- Máy chải thô, máy sợi thô	-	4.238.773.388	-	-	4.238.773.388
- Tài sản khác	-	1.045.561.350	(825.184.464)	-	220.376.886
Sửa chữa lớn tài sản					
- Công trình cải tạo và nâng cấp nhà xưởng	4.173.670.000	8.450.347.844	(11.004.477.844)	(188.740.000)	1.430.800.000
	5.333.153.742	32.199.193.344	(31.453.656.812)	(188.740.000)	5.889.950.274

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	11.435.351.937	7.832.873.093
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	32.688.372.747
Kangwal Polyester Co.,Ltd	7.909.679.689	8.409.479.427
Các nhà cung cấp khác	55.663.867.974	57.400.241.028
	75.008.899.600	106.330.966.295

5.12.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	6.188.239.035	-	84.914.190.944	(85.171.526.929)	-	5.930.903.050
Thuế xuất nhập khẩu	-	(4.409.765)	1.273.544.067	(1.274.713.566)	(5.579.264)	-
Thuế TNDN	3.499.947.886	-	20.256.984.763	(14.429.844.556)	-	9.327.088.093
Thuế thu nhập cá nhân	91.693.321	-	2.820.654.210	(2.860.735.709)	-	51.611.822
Thuế tài nguyên	30.055.200	-	268.294.320	(283.925.040)	-	14.424.480
Tiền thuế đất	-	(703.790.748)	11.748.593.099	(9.784.169.273)	-	1.260.633.078
Các khoản thuế khác	-	-	161.912.043	(161.912.043)	-	-
	9.809.935.442	(708.200.513)	121.444.173.446	(113.966.827.116)	(5.579.264)	16.584.660.523

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động của Tổng Công ty là 10% và 0% với mặt hàng xuất khẩu, hoạt động khác là 5% và không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Các công ty trong Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	347.250.000
- Phải trả cổ tức	-	-
- Phải trả khác	287.977.854	577.977.854
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	1.540.163.419	590.510.479
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.366.964.852	22.605.956
Cổ tức phải trả	1.928.580.000	1.636.155.000
Các khoản tài trợ thương mại từ ngân hàng (*)	70.116.709.763	66.179.931.757
Các khoản phải trả khác	2.875.124.327	1.996.960.106
	78.115.520.215	71.351.391.152

(*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS/LC) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày.

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.871.227.150	2.535.841.000
	4.871.227.150	2.535.841.000

5.14.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn (*)	713.038.474.356	713.038.474.356	674.863.368.078	674.863.368.078
Cộng: Nợ dài hạn đến hạn trả	22.052.643.259	22.052.643.259	32.655.962.912	32.655.962.912
	735.091.117.615	735.091.117.615	707.519.330.990	707.519.330.990

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	5,0% – 6,3%	330.435.382.034	404.836.346.055
Khoản vay USD	USD	3,3% – 3,6%	53.189.563.587	55.865.590.060
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	5,2% – 5,8%	50.756.054.243	116.147.187.372
Malayan Banking Berhad – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	4,3% – 5,2%	31.608.882.767	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1				
Khoản vay VND	VND	4,0% – 6,5%	44.580.044.028	82.284.275.151
Ngân hàng Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay USD	USD	3,8% – 4,0%	25.074.058.200	15.729.969.440
Ngân hàng SinoPac – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	4,5% – 5,2%	63.210.348.407	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	5,0% – 5,6%	114.184.141.090	-
			713.038.474.356	674.863.368.078

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay dài hạn	81.240.536.394	81.240.536.394	108.760.640.630	108.760.640.630
Nợ dài hạn đến hạn trả	(22.052.643.259)	(22.052.643.259)	(32.655.962.912)	(32.655.962.912)
	59.187.893.135	59.187.893.135	76.104.677.718	76.104.677.718

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn năm	31/12/2020	01/01/2020
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh					
Khoản vay USD	USD	3,06%–4,0%	02 – 07	77.736.899.234	94.776.534.950
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh					
Khoản vay VND	VND	9,3%	05	3.503.637.160	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam					
Khoản vay USD	USD	5,1%	05	-	13.984.105.680
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,06%–4,0%	01	(21.176.735.259)	(18.671.857.232)
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh	VND	9,3%	01	(875.908.000)	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,1%	01	-	(13.984.105.680)
				59.187.893.135	76.104.677.718

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2019	210.000.000.000	3.062.727.273	69.496.458.985	379.442.519.822	74.090.574.929	736.092.281.009
Lãi trong năm	-	-	-	85.271.005.479	4.536.628.921	89.807.634.400
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(11.265.035.432)	(1.652.176.686)	(12.917.212.118)
Chia cổ tức	-	-	(7.840.500.000)	(210.000.000.000)	(954.625.000)	(210.954.625.000)
Giảm khác	-	-	61.655.958.985	(1.283.161.645)	(7.159.500.000)	(16.283.161.645)
Số dư 31/12/2019	210.000.000.000	3.062.727.273	61.655.958.985	242.165.328.224	68.860.902.164	585.744.916.646
Số dư 01/01/2020	210.000.000.000	3.062.727.273	61.655.958.985	242.165.328.224	68.860.902.164	585.744.916.646
Lãi trong năm	-	-	-	72.040.280.742	3.486.977.875	75.527.258.617
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(11.652.717.379)	(1.273.307.748)	(12.926.025.127)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(3.255.375.000)	(55.755.375.000)
Số dư 31/12/2020	210.000.000.000	3.062.727.273	61.655.958.985	250.052.891.587	67.819.197.291	592.590.775.136

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 210.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 các cổ đông Công ty mẹ đã góp đủ vốn.

	31/12/2020			01/01/2020		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	46,93%	9.855.000	98.550.000.000	46,93%
Cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	53,07%	11.145.000	111.450.000.000	53,07%
	21.000.000	210.000.000.000	100%	21.000.000	210.000.000.000	100%

5.16.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.16.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã thực hiện chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 với số tiền là 52.500.000.000 VND.

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ	31/12/2020	01/01/2020
Dolla Mỹ (USD)	1.890.740,57	861.777,47

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	1.472.775.912.161	1.595.691.115.351
Doanh thu bán hàng hóa	277.502.780.344	461.792.689.947
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.482.618.939	54.332.042.998
Doanh thu bán phế liệu	27.855.105.191	25.632.852.522
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	25.286.909.793	22.016.823.592
	1.861.903.326.428	2.159.465.524.410
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(221.662.047)	(320.716.738)
Giảm giá hàng bán	(149.646.246)	(350.283.178)
Hàng bán bị trả lại	(4.360.228.520)	(1.120.741.338)
	(4.731.536.813)	(1.791.741.254)
Doanh thu thuần	1.857.171.789.615	2.157.673.783.156

Trong đó doanh thu với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	45.873.105	125.235.334
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	6.414.253.354	6.876.259.208
	6.460.126.459	7.001.494.542

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn thành phẩm	1.295.479.417.795	1.405.022.401.499
Giá vốn hàng hóa	274.821.541.533	458.106.832.742
Giá vốn cung cấp dịch vụ	42.287.771.710	47.782.655.049
Giá vốn phế liệu	21.606.841.735	23.672.356.398
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	8.043.782.660	7.417.473.198
Tặng/(hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	4.037.686.678	(3.101.797.119)
	1.646.277.042.111	1.938.899.921.767

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lãi chậm thanh toán	1.411.679.767	1.701.549.604
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	17.610.100.559	10.673.596.631
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.200.279.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.339.641.006	2.380.273.495
	21.361.421.332	15.955.699.330

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	37.276.293.692	35.645.832.197
Chi phí tài chính khác	1.618.350.515	1.211.004.481
	38.894.644.207	36.856.836.678

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.972.937.748	3.625.395.939
Chi phí hoa hồng	3.995.706.696	4.021.332.656
Cước vận chuyển	2.277.463.029	3.053.210.314
Chi phí bán hàng khác	8.303.267.880	11.335.730.116
	17.549.375.353	22.035.669.025

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	34.771.602.699	33.427.719.205
Thuế, tiền thuê đất	8.712.697.368	6.303.452.624
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	36.809.386.498	34.290.082.771
	80.293.686.565	74.021.254.600

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND 72.040.280.742	85.271.005.479
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	VND (7.033.783.397)	(7.908.294.669)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND 65.006.497.345	77.362.710.810
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP 21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP 3.096	3.684

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	21.000.000	21.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng hóa	282.133.494.221	457.983.181.900
Chi phí nguyên vật liệu	737.922.034.404	912.194.158.172
Chi phí nhân công	214.816.922.944	225.362.565.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.920.759.140	122.490.219.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	306.929.623.915	281.890.750.953
	1.654.722.834.624	1.999.920.875.728

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.453.211.519.530	1.619.426.981.217
	1.453.211.519.530	1.619.426.981.217

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.442.316.419.927	1.451.186.159.048
	1.442.316.419.927	1.451.186.159.048

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận chia theo vùng địa lý**

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.596.209.456.262	2.039.047.422.794	260.962.333.353	118.626.360.362	1.857.171.789.615	2.157.673.783.156
Chi tiêu vốn	42.435.804.352	71.075.514.017	-	-	42.435.804.352	71.075.514.017
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản của bộ phận	1.614.002.073.624	1.631.194.912.419	-	-	1.614.002.073.624	1.631.194.912.419

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tổng Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Hội đồng quản trị đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.5 và khoản đầu tư được trình bày tại mục 5.2.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tổng Công ty giám thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giám thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Các khoản vay	735.091.117.615	59.187.893.135	794.279.010.750
Phải trả người bán	75.008.899.600	-	75.008.899.600
Chi phí phải trả	320.745.380	-	320.745.380
Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.208.391.944	4.871.227.150	80.079.619.094
	885.629.154.539	64.059.120.285	949.688.274.824
Ngày 01 tháng 01 năm 2020			
Các khoản vay	707.519.330.990	76.104.677.718	783.624.008.708
Phải trả người bán	106.330.966.295	-	106.330.966.295
Chi phí phải trả	507.950.033	-	507.950.033
Các khoản phải trả, phải nộp khác	70.760.880.673	2.535.841.000	73.296.721.673
	885.119.127.991	78.640.518.718	963.759.646.709

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Hội đồng quản trị cho rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

- Tổng Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.8; và;
- Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	275.779.465.887	345.483.337.233	275.779.465.887	345.483.337.233
Phải thu khác	12.187.151.801	10.673.493.357	12.187.151.801	10.673.493.357
Ký quỹ	355.000.000	365.000.000	355.000.000	365.000.000
Các khoản đầu tư, cho vay	270.600.000.000	59.100.000.000	270.600.000.000	59.100.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	222.145.897.135	153.802.573.073	222.145.897.135	153.802.573.073
	781.067.514.823	569.424.403.663	781.067.514.823	569.424.403.663
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	794.279.010.750	783.624.008.708	794.279.010.750	783.624.008.708
Phải trả người bán	75.008.899.600	106.330.966.295	75.008.899.600	106.330.966.295
Chi phí phải trả	320.745.380	507.950.033	320.745.380	507.950.033
Các khoản phải trả khác	80.079.619.094	73.296.721.673	80.079.619.094	73.296.721.673
	949.688.274.824	963.759.646.709	949.688.274.824	963.759.646.709

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Hội đồng quản trị cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC**10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	5.066.166.000	5.179.433.000

10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tổng Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	24.637.500.000	98.550.000.000
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I		
Mua nguyên vật liệu	9.575.280	-
Chi phí dịch vụ khác	10.029.832.340	321.803.500
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	280.000.000
Cho vay	4.150.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Chi phí dịch vụ khác	20.594.596.890	24.796.191.307
Cổ tức được chia	-	252.000.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020


Công nợ với các bên liên quan


Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.4, 5.12 và 5.14.

10.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.


HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
Người lập


DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN ĐỨC KHIÊM
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG CÔNG TY
VIỆT THẮNG
- CTCP



NGUYỄN ĐỨC KHIÊM